

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 24 tháng 01 năm 2022
Về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Quang Toán và ông Chầu Văn Khỏe

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phúc Đức T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh T. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện N, tỉnh T. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Phúc Đức T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn được gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh T vào ngày 17/4/2015. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 3/2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, khi phát hiện anh có khuyến can nhưng chị N dùng khóa cửa đánh anh từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tuy gia đình và chính quyền địa phương đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, chị N tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Thực tế hai vợ

chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị N đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là cháu: Phúc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 và cháu Phúc Thành L, sinh ngày 09/11/2016. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh còn cháu L đang ở cùng chị N. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc Anh T, còn chị Ngân trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc Thành L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung; nợ chung: Anh T xác định, anh và chị N không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh Phúc Đức T qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh T vào ngày 17/4/2015 theo quy định. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 05/2020 cho đến nay, hiện nay giữa hai vợ chồng không còn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Chị N xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đề nghị xin ly hôn chị cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị N giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại biên bản ghi lời khai, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh T đến nay đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T có đơn đề nghị xin ly hôn chị cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Phúc Đức T có 02 con chung là cháu: Phúc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 và cháu Phúc Thành L, sinh ngày 09/11/2016. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh T còn cháu L đang ở cùng chị N. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc Thành L, còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc Anh T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện

kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như: Vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Tại phiên tòa HDXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phúc Đức T xử cho anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Phúc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 cho anh Phúc Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Phúc Thành L, sinh ngày 09/11/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phúc Đức T và chị Nguyễn Thị N cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Phúc Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân của đương sự (bản phô tô có chứng thực); Giấy khai sinh của con chung (Bản phô tô có chứng thực); sổ hộ khẩu (Bản phô tô có chứng thực); Giấy xác nhận thông tin về cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; bị đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; tiến hành xác minh tại thôn T, xã C; xác minh tại Công an xã C, huyện N; xác minh tại thôn N, xã T, huyện L; xác minh đối với bà Quan Thị T và ông Phúc Văn T.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì lý do hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp không đến Tòa án giải quyết được, nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phúc Đức T và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp; anh T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị N và đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung khi ly hôn nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn chị Nguyễn Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã C, huyện N, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Na Hang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Anh Phúc Đức T và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thượng L, huyện L là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 5/2020 cho đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Anh T đề nghị ly hôn chị N cũng nhất trí ly hôn.

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh tại thôn T, xã C; xác minh tại thôn N, xã T; xác minh đối với ông Phúc Văn T và bà Quan Thị T có cơ sở xác định giữa anh Phúc Văn T và chị Nguyễn Thị N có xảy ra mâu thuẫn, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 5/2020 cho đến nay là đúng thực tế; mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã xảy ra từ lâu. Cả hai cùng xác định từ lâu hai vợ chồng không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế, đến nay cuộc sống chung của hai vợ chồng trên thực tế đã không tồn tại, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, cho đến nay mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình giải quyết vụ án cả anh T và chị N đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T. Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Phúc Đức T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị N sinh được 02 con chung là cháu Phúc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 và cháu Phúc Thành L, sinh ngày 09/11/2016, Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc Anh T, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc Thành L, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

HĐXX xét thấy, nguyện vọng nuôi con của cả hai bên đương sự khi ly hôn đều có căn cứ. Theo lời khai của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Anh T và chị N đều có chỗ ở ổn định; anh T có mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng – 6.000.000 đồng, chị N có mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng; cháu Phúc Anh T hiện nay đang ở cùng anh Truyền và ông bà nội, cháu Tuấn bị khuyết tật bẩm sinh, dạng khuyết tật vận động có Giấy xác nhận khuyết tật của UBND xã T, hiện nay được hưởng mức trợ cấp tổng cộng là

1.260.000 đồng/tháng; cháu Phúc Thành L hiện nay đang ở cùng chị N và ông bà ngoại, cháu L phát triển bình thường về mọi mặt, hiện nay các cháu đang quen với môi trường sinh hoạt và học tập, nếu thay đổi có thể sẽ gây ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các cháu.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của con chung cần giao cháu Phúc Anh T cho anh Phúc Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phúc Thành L cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như ý kiến của các bên đương sự. Do các bên không đề nghị cấp dưỡng nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con chung và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết anh Phúc Đức T và chị Nguyễn Thị N cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Truyền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của anh Phúc Đức Truyền.

1. Về hôn nhân: Cho anh Phúc Đức T được ly hôn với chị Nguyễn Thị N. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là Phúc Anh T, sinh ngày 20/4/2015 cho anh Phúc Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phúc Thành L, sinh ngày 09/11/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Anh Phúc Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004962, ngày 22/10/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nhâm Hoàng Văn Lang

Vũ Mạnh Hồng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND Khâu Tinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Quang Toán

Đỗ Mai Sơn

Triệu Ngọc Thúc

